

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Hải Phòng, tháng 03 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hà Thị Kim Phụng	Chủ tịch
Ông Hà Văn Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Tâm	Ủy Viên
Ông Trần Đức Mạnh	Ủy viên
Ông Cao Trung Ngoan	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Văn Tiến	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2024

Số. 11/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Hồng Hiền

Giám đốc Chi nhánh

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN UHY – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 23 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Đức Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1016-2022-112-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.715.351.231	46.025.771.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	28.011.775.708	26.375.430.949
1. Tiền	111		28.011.775.708	26.375.430.949
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.757.759.142	12.047.240.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.883.481.496	9.900.689.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.437.871.207	1.620.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	660.443.932	489.928.568
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.224.037.493)	(663.377.810)
III. Hàng tồn kho	140	8	704.632.635	890.620.329
1. Hàng tồn kho	141		704.632.635	890.620.329
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.241.183.746	6.712.479.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	177.470.097	169.596.924
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.841.568.057	6.166.454.187
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	222.145.592	376.428.092
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.901.112.450	219.173.172.634
I. Tài sản cố định	220		38.886.851.175	44.321.903.697
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	38.886.851.175	44.321.903.697
- Nguyên giá	222		73.320.842.812	75.826.617.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.433.991.637)	(31.504.713.898)
II. Bất động sản đầu tư	230	11	111.516.928.918	114.051.298.744
- Nguyên giá	231		134.269.464.553	132.813.631.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.752.535.635)	(18.762.332.476)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.414.282	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.414.282	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	57.986.190.000	57.986.190.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		57.986.190.000	57.986.190.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.472.728.075	2.813.780.193
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.450.122.282	2.768.568.608
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22.605.793	45.211.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		245.616.463.681	265.198.943.801

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		97.707.332.034	114.160.507.168
I. Nợ ngắn hạn	310		13.661.963.790	21.874.779.222
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	530.916.209	320.634.798
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		84.952.888	90.722.488
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	471.338.533	-
4. Phải trả người lao động	314		2.151.906.421	2.178.438.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		539.224.158	631.579.748
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		651.591.049	918.413.927
7. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	121.173.535	60.893.308
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	8.100.000.000	16.491.494.675
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.010.860.997	1.182.601.997
II. Nợ dài hạn	330		84.045.368.244	92.285.727.946
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	5.943.176.474	6.083.536.176
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	78.102.191.770	86.202.191.770
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.909.131.647	151.038.436.633
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	147.909.131.647	151.038.436.633
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.936.700.000	107.936.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		107.936.700.000	107.936.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.359.240.000	14.359.240.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.389.312.824	18.389.312.824
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.223.878.823	10.353.183.809
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		2.715.981.809	3.115.610.626
- LNST chưa phân phối năm nay	421		4.507.897.014	7.237.573.183
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		245.616.463.681	265.198.943.801


Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu


Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT


Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		100.408.077.842	173.773.652.191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	20	100.408.077.842	173.773.652.191
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	62.286.548.085	134.187.598.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		38.121.529.757	39.586.053.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.762.818.196	556.183.116
7. Chi phí tài chính	22	24	8.847.598.432	7.887.128.187
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.847.598.432	9.724.548.091
8. Chi phí bán hàng	25	25	15.992.977.763	17.618.120.436
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.121.660.220	6.168.410.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.922.111.538	8.468.577.702
11. Thu nhập khác	31		784.765.163	700.772.727
12. Chi phí khác	32		6.500.000	7.706.816
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		778.265.163	693.065.911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.700.376.701	9.161.643.613
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.169.873.895	1.901.464.638
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		22.605.792	22.605.792
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		4.507.897.014	7.237.573.183


Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu


Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.700.376.701	9.161.643.613
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		9.425.255.681	9.558.952.867
Các khoản dự phòng	03		5.560.659.683	(1.174.042.094)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.862.218.198)	(833.455.843)
Chi phí lãi vay	06		8.847.598.432	9.724.548.091
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.671.672.299	26.437.646.634
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		7.433.609.000	7.403.504.961
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		185.987.694	293.314.492
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(531.514.714)	391.067.212
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(689.426.847)	712.564.740
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.925.897.072)	(9.702.863.862)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.350.000.000)	(2.917.300.146)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.332.741.000)	(1.443.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.461.689.360	21.174.934.031
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.494.247.615)	(3.488.559.296)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		99.400.002	277.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.200.000.000	7.904.601.757
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.837.199.687	1.179.608.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.142.352.074	5.172.924.148
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		11.368.609.528	105.313.656.282
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.860.104.203)	(120.819.842.769)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.476.202.000)	(5.396.835.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.967.696.675)	(20.903.021.487)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		1.636.344.759	5.444.836.692
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	26.375.430.949	20.930.594.257
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4	28.011.775.708	26.375.430.949

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG
Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0200408318 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 16 ngày 27/11/2023.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2023 là 117 người (tại 01/01/2023 là 122 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ đồ uống; Cung ứng lao động tạm thời; Giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, trông coi xe.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ cảng Hải Phòng	Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	56,3	56,3	Cho thuê văn phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dự hàng tồn kho đến ngày 31/12/2023 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Thiết bị quản lý	03 – 07
Máy móc thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 đến 35 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2023 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.980.504.789	2.921.686.704
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.031.270.919	23.453.744.245
Cộng	28.011.775.708	26.375.430.949

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.883.481.496	9.900.689.928
Công ty CP Diên Hải	515.435.778	965.435.778
Công ty TNHH Đầu tư TM XNK Hiền Anh	1.085.620.384	1.484.290.169
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Việt Hưng	687.000.000	787.344.981
Công ty CP đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	543.255.412	542.268.248
Các đối tượng khác	4.052.169.922	6.121.350.752
Cộng	6.883.481.496	9.900.689.928

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết thuyết minh số 28)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.437.871.207	1.620.000.000
Công ty CP tư vấn ĐT XD và kinh doanh Hà Nội 1	1.354.000.000	1.620.000.000
Các đối tượng khác	83.871.207	-
Cộng	1.437.871.207	1.620.000.000

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	660.443.932	489.928.568
Lãi tiền vay phải thu	46.198.629	120.580.120
Phải thu khác	614.245.303	369.348.448
Cộng	660.443.932	489.928.568

Phải thu khác là các bên liên quan

(Chi tiết thuyết minh số 28)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty CP tư vấn ĐT XD và kinh doanh Hà Nội 1	1.354.000.000	1.354.000.000	1.620.000.000	486.000.000
Công ty TNHH ĐT TM XNK Hiền Anh	1.085.620.384	1.085.620.384	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Việt Hưng	687.000.000	687.000.000	-	-
Các đối tượng khác	4.559.979.530	3.097.417.109	591.259.366	177.377.810
Cộng	7.686.599.914	6.224.037.493	2.211.259.366	663.377.810

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	323.746.973	-	458.730.580	-
Hàng hóa	380.885.662	-	431.889.749	-
Cộng	704.632.635	-	890.620.329	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	177.470.097	169.596.924
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.413.979	-
Chi phí sửa chữa tài sản	172.056.118	169.596.924
Dài hạn	3.450.122.282	2.768.568.608
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	216.217.967	220.199.091
Chi phí sửa chữa tài sản	3.233.904.315	2.548.369.517
Cộng	3.627.592.379	2.938.165.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	29.320.606.183	33.357.152.416	11.550.734.414	1.598.124.582	75.826.617.595
Thanh lý, nhượng bán	(2.351.597.947)	(154.176.836)	-	-	(2.505.774.783)
Số cuối năm	26.969.008.236	33.202.975.580	11.550.734.414	1.598.124.582	73.320.842.812
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	15.382.133.274	10.606.661.887	4.538.260.059	977.658.678	31.504.713.898
Khấu hao trong năm	1.482.268.370	2.772.115.904	979.200.000	201.468.248	5.435.052.522
Thanh lý, nhượng bán	(2.351.597.947)	(154.176.836)	-	-	(2.505.774.783)
Số cuối năm	14.512.803.697	13.224.600.955	5.517.460.059	1.179.126.926	34.433.991.637
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	13.938.472.909	22.750.490.529	7.012.474.355	620.465.904	44.321.903.697
Số cuối năm	12.456.204.539	19.978.374.625	6.033.274.355	418.997.656	38.886.851.175

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị 7.438.872.302 VND (ngày 01/01/2023: 9.406.300.829 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc với giá trị còn lại tại 31/12/2023 là 12.456.204.539 VND (tại 01/01/2023: 13.938.472.909 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng tại thuyết minh số 17.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	132.813.631.220	132.813.631.220
Tăng trong năm	1.455.833.333	1.455.833.333
Số cuối năm	134.269.464.553	134.269.464.553
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	18.762.332.476	18.762.332.476
Khấu hao trong năm	3.990.203.159	3.990.203.159
Số cuối năm	22.752.535.635	22.752.535.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	114.051.298.744	114.051.298.744
Số cuối năm	111.516.928.918	111.516.928.918

Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư trên để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như tại thuyết minh số 17.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 181.664.277 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 181.664.277 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ cảng Hải Phòng	57.986.190.000	(*)	-	57.986.190.000	(*)	-
Cộng	57.986.190.000	-	-	57.986.190.000	-	-

(*)Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết cần được trình bày, tuy nhiên Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý nên trình bày theo giá trị sổ sách. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về Công ty con:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 79.558.000.000 VND, chiếm 63,87% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Tuy nhiên, thực tế đến 31/12/2023, Công ty đã góp 57.986.190.000 VND tương đương với 72,89% số vốn cam kết góp và đang sở hữu 56,3% vốn thực góp, đồng thời giữ quyền biểu quyết tương ứng 56,3% của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ cảng Hải Phòng	Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Cho thuê văn phòng	56.3	56.3

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty con trong năm:*

Doanh thu trong năm là 40.037.555.037 VND, lợi nhuận sau thuế tại 31/12/2023: 5.176.534.490 VND, Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023: 104.832.117.421 VND. Công ty đang hoạt động bình thường.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	530.916.209	530.916.209	320.634.798	320.634.798
Công ty TNHH Xăng dầu Nam Ninh	488.344.137	488.344.137	179.570.765	179.570.765
Công ty CP xây lắp kỹ thuật Hà Nội	26.202.062	26.202.062	26.202.062	26.202.062
Các đối tượng khác	16.370.010	16.370.010	114.861.971	114.861.971
Cộng	530.916.209	530.916.209	320.634.798	320.634.798

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/phải thu trong năm VND	Số đã nộp/đã thu trong năm VND	Số cuối năm VND
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	348.535.362	-	348.535.362	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.892.730	31.781.262	-	59.673.992
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	162.471.600	-	162.471.600
Cộng	376.428.092	194.252.862	348.535.362	222.145.592
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.169.873.895	1.698.535.362	471.338.533
Thuế thu nhập cá nhân	-	883.413.839	883.413.839	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	443.045.800	443.045.800	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	-	3.499.333.534	3.027.995.001	471.338.533

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>121.173.535</i>	<i>60.893.308</i>
Kinh phí công đoàn	56.023.340	22.481.260
Bảo hiểm xã hội	3.698.675	1.595.075
Bảo hiểm y tế	635.948	284.903
Bảo hiểm thất nghiệp	265.528	160.328
Các khoản phải trả	60.550.044	36.371.742
<i>Dài hạn</i>	<i>5.943.176.474</i>	<i>6.083.536.176</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	5.943.176.474	6.083.536.176
Cộng	6.064.350.009	6.144.429.484

- (i) Tiền nhận ký cược, ký quỹ thuê văn phòng của khách hàng tại tòa nhà Thành Đạt và Thành Đạt 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
		VND				VND
Vay ngắn hạn	10.091.494.675	10.091.494.675	11.368.609.528	21.460.104.203	-	-
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông Hải Phòng (1)	10.091.494.675	10.091.494.675	11.368.609.528	21.460.104.203	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.400.000.000	6.400.000.000	8.100.000.000	6.400.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông Hải Phòng (2)	6.400.000.000	6.400.000.000	8.100.000.000	6.400.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
Vay dài hạn	86.202.191.770	86.202.191.770	-	8.100.000.000	78.102.191.770	78.102.191.770
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông Hải Phòng (2)	86.202.191.770	86.202.191.770	-	8.100.000.000	78.102.191.770	78.102.191.770
Cộng	102.693.686.445	102.693.686.445	19.468.609.528	35.960.104.203	86.202.191.770	86.202.191.770

(1) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2022/4568045/HĐTD ngày 30/06/2022 với hạn mức 30 tỷ VND ; Khoản vay giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 3 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU367751; Khoản vay được gia hạn đến ngày 30/06/2023.

(2) Vay dài hạn theo hợp đồng số 01/2019/4568045/HĐTD ngày 28/5/2019 trong vòng 10 năm; Khoản vay giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Mục đích vay dùng để đầu tư xây dựng Tòa nhà Thành Đạt 3; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ vay ngân hàng dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Năm thứ nhất	8.100.000.000	6.400.000.000
Năm thứ 2	11.000.000.000	8.100.000.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	47.800.000.000	39.600.000.000
Sau năm năm	19.302.191.770	38.502.191.770
Cộng	86.202.191.770	92.602.191.770
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(8.100.000.000)	(6.400.000.000)
Nợ dài hạn	78.102.191.770	86.202.191.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	107.936.700.000	14.359.240.000	17.389.312.824	10.915.445.626	150.600.698.450
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.237.573.183	7.237.573.183
Chia cổ tức	-	-	-	(5.396.835.000)	(5.396.835.000)
Trích lập các quỹ	-	-	1.000.000.000	(2.403.000.000)	(1.403.000.000)
Số đầu năm nay	107.936.700.000	14.359.240.000	18.389.312.824	10.353.183.809	151.038.436.633
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.507.897.014	4.507.897.014
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(6.476.202.000)	(6.476.202.000)
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(1.161.000.000)	(1.161.000.000)
Số cuối năm nay	107.936.700.000	14.359.240.000	18.389.312.824	7.223.878.823	147.909.131.647

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 28/04/2023 theo đó, phân phối lợi nhuận như sau:
- Chia cổ tức với tỷ lệ 6% trên vốn điều lệ: 6.476.202.000 VND;
 - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành: 1.161.000.000 VND;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 vốn điều lệ của Công ty là 107.936.700.000 VND.

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Hà Văn Tiến	51.800.460.000	47,99%	42.861.000.000	39,71%
Công ty TNHH Vận tải Hà Phương	14.600.000.000	13,53%	14.600.000.000	13,53%
Ông Cao Trung Ngoan	8.061.000.000	7,47%	8.061.000.000	7,47%
Bà Đào Thị Tâm	5.510.000.000	5,10%	5.510.000.000	5,10%
Các đối tượng khác	27.965.240.000	25,91%	36.904.700.000	34,19%
Cộng	107.936.700.000	100	107.936.700.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	107.936.700.000	107.936.700.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	107.936.700.000	107.936.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.476.202.000	5.396.835.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.793.670	10.793.670
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	10.793.670	10.793.670
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.793.670	10.793.670

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Kinh doanh xăng dầu: Chuyên kinh doanh, phân phối, bán buôn, bán lẻ xăng dầu: dầu diezen, mogas 92 và mogas 95;
- Cho thuê văn phòng: kinh doanh hoạt động cho thuê văn phòng và các hoạt động phụ trợ;
- Dịch vụ khác: Bao gồm dịch vụ trông giữ xe máy, xe đạp; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm nay

Chỉ tiêu	KD xăng dầu VND	Cho thuê văn phòng VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.937.022.849	45.531.597.648	9.939.457.345	100.408.077.842
2. Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ	43.502.522.669	14.579.505.249	4.204.520.167	62.286.548.085
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.434.500.180	30.952.092.399	5.734.937.178	38.121.529.757
4. Lợi nhuận trước thuế	659.231.054	5.477.717.944	563.427.703	6.700.376.701
5. Nguyên giá TSCĐ bộ phận	1.123.334.551	196.529.921.192	7.397.306.950	205.050.562.693

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm trước

Chỉ tiêu	KD xăng dầu VND	Cho thuê văn phòng VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.492.070.037	44.962.550.287	11.319.031.867	173.773.652.191
2. Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ	115.137.149.445	15.082.335.017	3.968.114.478	134.187.598.940
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.354.920.592	29.880.215.270	7.350.917.389	39.586.053.251
4. Lợi nhuận trước thuế	807.559.118	7.353.127.132	1.000.957.363	9.161.643.613
5. Nguyên giá TSCĐ bộ phận	1.123.334.551	193.875.128.563	9.903.081.733	204.901.544.847

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động tại Thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	47.271.689.488	120.452.188.580
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.136.388.354	53.321.463.611
Cộng	100.408.077.842	173.773.652.191
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 28)</i>		

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	44.788.072.433	116.219.735.812
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.498.475.652	17.967.863.128
Cộng	62.286.548.085	134.187.598.940

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.149.670.695	1.006.524.349
Chi phí nhân công	16.537.658.647	18.005.372.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.425.255.681	9.558.952.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	17.500.528.612	13.183.543.558
Cộng	44.613.113.635	41.754.393.606

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	863.508.696	555.974.888
Cổ tức lợi nhuận được chia	2.899.309.500	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	208.228
Cộng	3.762.818.196	556.183.116

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.847.598.432	9.724.548.091
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	-	(1.837.419.904)
Cộng	8.847.598.432	7.887.128.187

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	11.121.660.220	6.168.410.042
Chi phí nhân viên	3.457.984.511	3.257.051.415
Chi phí dự phòng	5.560.659.683	663.377.810
Các khoản chi phí QLDN khác	2.103.016.026	2.247.980.817
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	15.992.977.763	17.618.120.436
Chi phí nhân viên	11.166.850.470	12.786.438.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.769.700	342.676.368
Thuế, phí và lệ phí	443.045.800	767.989.000
Chi phí khác	4.077.311.793	3.721.016.214

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	6.700.376.701	9.161.643.613
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.148.992.775	345.679.576
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.899.309.500)	(1.837.419.904)
Trừ: Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(113.028.961)	(113.028.961)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.161.331.236	2.296.128.441
Thu nhập chịu thuế	10.849.369.476	9.507.323.189
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.169.873.895	1.901.464.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.169.873.895	1.901.464.638
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.169.873.895	1.901.464.638

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được khấu trừ khoảng 7.161.331.236 VNĐ, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không hợp lý hợp lệ nào cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. THÔNG TIN KHÁC

Trong năm, Công ty nhận được quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 1/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó Nhà nước sẽ thu hồi 638 m² tại thửa đất số 02 tờ bản đồ số 16 – nơi Công ty đang kinh doanh xăng dầu, do đó khi quyết định được thực hiện, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty sẽ ngừng hoạt động;

Và Quyết định số 3714/ QĐ-UBND ngày 1/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó Nhà nước sẽ thu hồi 1.022,6 m² tại thửa đất số 1A tờ bản đồ số 16 Công ty đang kinh doanh dịch vụ ăn uống, do đó khi quyết định được thực hiện, hoạt động kinh doanh nhà hàng của Công ty sẽ ngừng hoạt động.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các quyết định nêu trên chưa được thực hiện

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan trong năm:

Bản chất bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng
Thành viên Ban Giám Đốc, hội đồng quản trị

Công ty con
Ban quản trị công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng		
Cho vay vốn lưu động	500.000.000	700.000.000
Cung cấp hàng hóa dịch vụ	2.855.826.851	4.184.431.647
Mua hàng hóa dịch vụ	602.682.196	720.625.700
Lãi tiền vay	46.198.629	120.580.120

Số dư với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng		
Phải thu cho vay	-	700.000.000
Phải thu thương mại	543.255.412	542.268.248
Phải thu lãi tiền vay	46.198.629	120.580.120
Phải trả thương mại	-	4.479.537

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hà Văn Tiến	Tổng GD, Thành viên HĐQT	1.003.815.000	1.091.640.000
Bà Hà Thị Kim Phụng	Phó Tổng GD, Chủ tịch HĐQT	575.582.000	582.967.000
Ông Nguyễn Tiến Quân	Phó Tổng GD	244.544.000	194.747.000
Bà Đào Thị Tâm	Thành viên HĐQT	138.000.000	150.000.000
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên HĐQT	138.000.000	140.000.000
Ông Trần Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	138.000.000	140.000.000
Bà Bùi Thị Hồng Hà	Trưởng BKS	120.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Cẩm Thủy	Thành viên BKS	60.000.000	70.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	72.000.000	90.000.000
Cộng		2.489.941.000	2.609.354.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024